

Bản án số: 624/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-12-2022

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tụ

2. Ông Nguyễn Lương Quân

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Trà – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 486/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7350/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê A, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 123/5A P, phường 7, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Số phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1982

Địa chỉ: SS, phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Lê A trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn H chung sống, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/3/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu sau khi kết hôn thì nguyên đơn và bị đơn cư trú tại nhà của mẹ bị đơn. Cuộc sống chung dần dần không còn hạnh phúc do bất đồng về lối sống, quan điểm và cách ứng xử trong gia đình và cách nuôi dạy con cái; vợ chồng không có sự hòa hợp và không tôn trọng nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng, nguyên đơn đã chuyển đi nơi khác sinh sống cùng với con chung từ năm 2019.

Nay nguyên đơn thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn để mỗi người ổn định cuộc sống riêng.

Về nuôi con: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là cháu Nguyễn L (nữ), sinh ngày 20/3/2017. Hiện nay nguyên đơn và con chung đang sống tại Số phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi bé Nguyễn L vì để ổn định cuộc sống của bé, bản thân bé là con gái, cần có sự chăm sóc của người mẹ trực tiếp và thu nhập hàng tháng của nguyên đơn từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, đủ khả năng nuôi con chung, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự khai không có

Bị đơn là ông Nguyễn H trình bày: Bị đơn đồng ý ly hôn với bà Lê A vì giữa bị đơn và nguyên đơn xảy ra mâu thuẫn từ lâu.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn chỉ có 01 con chung là trẻ Nguyễn L. Với yêu cầu của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý để trẻ Nguyễn L ở chung với gia đình nhà nguyên đơn vì lý do không an toàn cho thể chất và tinh thần của trẻ. Bị đơn không cảm thấy yên tâm khi giao con gái của bị đơn cho nguyên đơn chăm sóc. Về điều kiện sống của gia đình bị đơn thì tốt hơn so với gia đình nguyên đơn. Thu nhập của bị đơn từ 15.000.000 đồng/tháng đến 30.000.000 đồng/tháng và có nhiều thời gian để chăm sóc con hơn nguyên đơn. Do đó bị đơn yêu cầu được nuôi trẻ Nguyễn L, tự nguyện không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự khai không có

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn H cư trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu ly hôn:

[3] Xét nguyên đơn bà Lê A và bị đơn ông Nguyễn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 04 tháng 3 năm 2017, do đó xác định nguyên đơn và bị đơn có quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét Văn bản số 763/UBND-HT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thì hiện nay nguyên đơn không cư trú tại Quận 1, bị đơn đang sinh sống thực tế tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Xét trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn với bị đơn vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hai bên đã sống ly thân từ lâu, không còn quan tâm, thương yêu nhau nữa.

[6] Xét tại phiên tòa bị đơn cũng đồng ý thuận tình ly hôn với nguyên đơn vì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng.

[7] Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của nguyên đơn và bị đơn.

[8] Về yêu cầu nuôi con chung:

[9] Xét nguyên đơn đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung, thu nhập hàng tháng từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi con vì cuộc sống của con chung đang ổn định, tự nguyện không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con..

[10] Xét văn bản của Ủy ban nhân dân phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh xác định trẻ Nguyễn L, sinh năm 2017 đang được mẹ và ông bà ngoại nuôi dưỡng, thể chất tinh thần trẻ phát triển bình thường; thu nhập hàng tháng của nguyên đơn ổn định khoảng 20.000.000 đồng.

[11] Xét văn bản của Trường mầm non tư thục U, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận trẻ Nguyễn L, sinh năm 2017 đi học từ năm 2020 đến nay; tình trạng học tập và phát triển của trẻ tốt, khỏe mạnh, vui tươi, tương tác với các bé trong lớp tốt, vâng lời thầy cô trong trường; mẹ của bé L là người thường xuyên đưa và đón bé mỗi ngày đi học.

[12] Xét trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn đều yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì thu nhập bị đơn ổn định từ 15.000.000 đồng/tháng đến 30.000.000 đồng/tháng, ngoài ra bị đơn có nhiều thời gian chăm sóc con chung hơn nguyên đơn và bị đơn tự nguyện không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con.

[13] Xét về điều kiện nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy cả nguyên đơn và bị đơn đều có khả năng nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên trẻ Nguyễn L là bé gái cần phải có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn và hiện nay trẻ L đang sống với mẹ, thể chất và tinh thần của trẻ cũng đang phát triển bình thường.

[14] Từ những phân tích trên, để ổn định cuộc sống và tâm lý của trẻ Nguyễn L, sinh ngày 20 tháng 3 năm 2017 nên yêu cầu được nuôi con chung của nguyên đơn bà Lê A là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Xét trình bày của bị đơn không đồng ý cho nguyên đơn nuôi con chung vì lý do nguyên đơn không chăm sóc tốt cho con chung, điều kiện gia đình nguyên đơn phức tạp không an toàn cho thể chất và tinh thần của trẻ là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[16] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn bà Lê A tự nguyện không yêu cầu bị đơn ông Nguyễn H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[17] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[18] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[19] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 68, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 118 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Về hôn nhân: Bà Lê A thuận tình ly hôn với ông Nguyễn H (Giấy chứng nhận kết hôn số 49 do Ủy ban nhân dân phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 3 năm 2017)

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê A và ông Nguyễn H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê A về nuôi con chung,

Giao con chung Nguyễn L (giới tính nữ), sinh ngày 20 tháng 3 năm 2017 cho bà Lê A trực tiếp nuôi.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê A không yêu cầu ông Nguyễn H cấp dưỡng cho con.

Ông Nguyễn H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Bà Lê A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2022/0000313 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Mai

